

Số: 10/KL-TTr

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 02 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng ngân sách, tài sản công tại 06 Trường học trên địa bàn xã Ea Ning và Dray Bông, tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Quyết định số 314/QĐ-TTr ngày 01/10/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh Đắk Lắk về việc thanh tra thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng ngân sách, tài sản công tại 06 Trường học¹ trên địa bàn xã Ea Ning và Dray Bông, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Đoàn Thanh tra số 314), từ ngày 03/10/2025 đến ngày 16/11/2025, Đoàn thanh tra số 314 đã tiến hành thanh tra tại 06 Trường học trên địa bàn xã Ea Ning và Dray Bông, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: 02 Trường Tiểu học (viết tắt là Trường TH), 04 Trường Mầm non (viết tắt là Trường MN).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/11/2025 của Trưởng Đoàn Thanh tra số 314 và ý kiến giải trình của các cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra. Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm

Các trường học là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, trực thuộc quản lý của UBND huyện Cư Kuin (cũ), có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với Trường Mầm Non) và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với Trường Tiểu học). Sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Trường MN Hoa Lan (xã Ea Ning), Trường MN Anh Đào (xã Ea Ning), Trường TH Nguyễn Huệ (xã Ea Ning) và Trường TH Nguyễn Tất Thành (xã Ea Ning) trực thuộc quản lý của UBND xã Ea Ning; Trường MN Vành Khuyên (xã Dray Bông) và Trường MN Măng Non (xã Dray Bông) trực thuộc quản lý của UBND xã Dray Bông.

Các đơn vị được ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên 100% cho các hoạt động của đơn vị và thực hiện chế độ tự chủ tài chính theo quy định về tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

¹ Trường TH Nguyễn Huệ, thôn 1a, xã Ea Ning; Trường TH Nguyễn Tất Thành, thôn 4a, xã Ea Ning; Trường MN Hoa Lan, thôn 8, xã Ea Ning; Trường MN Anh Đào, thôn 2a, xã Ea Ning; Trường MN Vành Khuyên, thôn Thành Công, xã Dray Bông; Trường MN Măng Non thôn 6, xã Dray Bông.

2. Thuận lợi

Trước khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, các đơn vị được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của UBND huyện Cư Kuin; sự hướng dẫn, phối hợp trong triển khai thực hiện các quy định về công tác giáo dục, tài chính, phòng chống tham nhũng (PCTN) của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ huyện đã tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, các đơn vị đã được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của UBND xã và các phòng chuyên môn thuộc UBND xã Ea Ning, xã Dray Bhang.

3. Khó khăn

Các đơn vị trường học chưa được thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác PCTN dẫn đến việc thực hiện còn có những hạn chế nhất định; công tác phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN chưa được thường xuyên.

Hiệu trưởng và kế toán tại một số đơn vị do mới bổ nhiệm và tuyển dụng nên kinh nghiệm còn hạn chế; cơ sở vật chất một số phòng học tại các phân hiệu đã được xây dựng từ nhiều năm trước hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, chưa có kinh phí để cải tạo và tu sửa; một số tài sản đã đưa vào sử dụng quá lâu, đã hết thời gian sử dụng nên chất lượng không tốt, không ổn định, phải sửa chữa thường xuyên. Hiện nay, một số các đơn vị trường học vẫn còn thiếu các phòng chức năng như phòng dạy bộ môn tiếng Anh; phòng đa chức năng...

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác triển khai thực hiện

Căn cứ Kế hoạch số 4007/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Cư Kuin về kế hoạch triển khai thực hiện PCTN, tiêu cực đến năm 2030 và Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND huyện Cư Kuin về kế hoạch công tác PCTN, tiêu cực năm 2024; các đơn vị có tổ chức quán triệt, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định. Trong kỳ, Hiệu trưởng các đơn vị đã ban hành 65 văn bản² để chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN đầy đủ, kịp thời các nội dung theo quy định.

b) Kết quả thực hiện

- Thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Trong kỳ, các đơn vị đã ban hành 139 văn bản³ để thực hiện việc công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước, với các nội dung: Công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (bao gồm các khoản dự toán được giao đầu năm và điều chỉnh, bổ sung trong năm); công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách; công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước. Ngoài ra, các đơn vị đã dự thảo, tổ chức họp đơn vị để công khai lấy ý kiến việc xây dựng văn bản và

² Trường MN Vĩnh Khuyên: 07 văn bản; Trường MN Măng Non: 13 văn bản; Trường MN Anh Đào: 15 văn bản; Trường MN Hoa Lan: 13 văn bản; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 08 văn bản; Trường TH Nguyễn Huệ: 09 văn bản;

³ Trường MN Vĩnh Khuyên: 19 văn bản; Trường MN Măng Non: 23 văn bản; Trường MN Anh Đào: 27 văn bản; Trường MN Hoa Lan: 32 văn bản; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 19 văn bản; Trường TH Nguyễn Huệ: 19 văn bản;

đã ban hành 33 văn bản⁴ về các quy định, chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Tuy nhiên, năm 2023 có 04/06 đơn vị⁵ không thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động giải quyết công việc của đơn vị (*cụ thể là không công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*).

Hình thức và thời điểm công khai: Công bố tại Hội nghị viên chức và người lao động của đơn vị; ngoài ra, đơn vị còn công khai bằng hình thức niêm yết và công khai thông qua các cuộc họp cơ quan vào thời điểm đầu năm học, cuối năm học; đầu năm tài chính, các quý, cuối năm tài chính, trong quá trình công khai, đơn vị có thiết lập các biên bản niêm yết và biên bản kết thúc niêm yết; hồ sơ công khai được các đơn vị thiết lập, lưu trữ.

- *Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn*

Các đơn vị có triển khai thực hiện các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo của viên chức trong thi hành nhiệm vụ, có ban hành Quy tắc ứng xử trong đơn vị; Ngoài ra, các đơn vị đã công khai, triển khai đến toàn thể viên chức, người lao động thực hiện nghiêm Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện Cư Kuin về Quy chế văn hóa công sở và Quy tắc ứng xử của Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc UBND huyện. Các đơn vị thường xuyên tự kiểm tra, tự giám sát việc niêm yết công khai quy tắc ứng xử của viên chức.

- *Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt*

Các đơn vị có thực hiện ứng dụng công nghệ trong điều hành quản lý, sử dụng các chương trình cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, chương trình Emis để quản lý viên chức, quản lý học sinh. Ngoài ra, đơn vị có thực hiện hình thức chi trả lương và các khoản thanh toán khác cho cá nhân qua tài khoản tại ngân hàng bằng hình thức chuyển khoản không dùng tiền mặt.

- *Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (TSTN)*

+ *Việc thực hiện kê khai, công khai*

Năm 2023, số người phải kê khai 14 người⁶, trong đó: kê khai lần đầu 01 người; kê khai bổ sung 00 người; kê khai hằng năm 13 người; số người đã kê khai 14 người; số người chưa kê khai 00 người; số bản kê khai đã công khai 14 bản.

Năm 2024, số người phải kê khai 16 người⁷, trong đó: kê khai lần đầu 02 người; kê khai bổ sung 00 người; kê khai hằng năm 14 người; số người đã kê khai 16 người; số người chưa kê khai 00 người; số bản kê khai đã công khai 16 bản.

⁴ Trường MN Vành Khuyên: 08 văn bản; Trường MN Măng Non: 05 văn bản; Trường MN Anh Đào: 05 văn bản; Trường MN Hoa Lan: 08 văn bản; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 05 văn bản; Trường TH Nguyễn Huệ: 02 văn bản;

⁵ Các đơn vị không thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT: Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non; Trường MN Anh Đào; Trường MN Hoa Lan;

⁶ Trường MN Vành Khuyên: 02 người; Trường MN Măng Non: 03 người; Trường MN Anh Đào: 03 người; Trường MN Hoa Lan: 03 người; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 02 người; Trường TH Nguyễn Huệ: 01 người;

⁷ Trường MN Vành Khuyên: 03 người; Trường MN Măng Non: 03 người; Trường MN Anh Đào: 03 người; Trường MN Hoa Lan: 03 người; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 02 người; Trường TH Nguyễn Huệ: 02 người;

Các đơn vị công khai bản kê khai TSTN bằng hình thức niêm yết tại đơn vị, có thiết lập biên bản niêm yết công khai và biên bản kết thúc niêm yết.

+ *Đối với các bản kê khai TSTN và lưu trữ các bản kê khai TSTN hằng năm*

Trong kỳ, người có nghĩa vụ kê khai TSTN tại các đơn vị đã lập bản kê khai TSTN cơ bản đảm bảo theo biểu mẫu, nội dung tại Phụ lục số I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế sau:

Bản kê khai TSTN chưa đề nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ghi rõ ngày tháng năm nhận bản kê khai và chưa ký nhận bản kê khai (*Trường MN Vành Khuyên: 05 bản; Trường MN Măng Non: 06 bản; riêng Trường MN Hoa Lan có 03 bản của năm 2024*); Bản kê khai TSTN có ký nhận nhưng người nhận không ghi rõ ngày tháng năm nhận bản kê khai, người kê khai không ký từng trang đối với bản kê khai (*Trường MN Anh Đào: 06 bản; Trường TH Nguyễn Huệ: 03 bản*); Người kê khai chưa giải trình rõ thông tin về loại tài sản biến động trong năm (*Trường TH Nguyễn Tất Thành có 02 bản của năm 2023*).

+ *Việc tiếp nhận, lưu giữ, quản lý, bàn giao và khai thác sử dụng bản kê khai*

Trong kỳ, các đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo, các đơn vị không có người vi phạm nghĩa vụ trung thực trong kê khai TSTN, giải trình nguồn gốc của TSTN tăng thêm hoặc vi phạm quy định về thời hạn kê khai TSTN.

2. Thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng ngân sách

2.1. Đối với nguồn kinh phí nhà nước cấp

a) Công tác xây dựng, lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định⁸ và các văn bản quy định tại thời điểm thực hiện.

b) Công tác hạch toán, ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính

Các đơn vị thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Các đơn vị hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa, mở sổ sách kế toán theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công tác lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định hiện hành về biểu mẫu và gửi đến cơ quan quản lý tài chính đúng thời hạn; số liệu quyết toán của đơn vị khớp, đúng với số đối chiếu, xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

c) Việc xây dựng, áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị

Các đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023⁹, 2024¹⁰. Qua thanh tra các mức chi, nội dung chi xây dựng trong Quy chế chi tiêu nội

⁸ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 của tỉnh Đắk Lắk;

bộ của đơn vị cơ bản đảm bảo với các quy định quản lý tài chính hiện hành. Các chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động được chi trả kịp thời, đầy đủ.

d) Tổng hợp dự toán giao và quyết toán kinh phí (theo báo cáo)

Hàng năm, các đơn vị đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cư Kuin (cũ) xét duyệt quyết toán ngân sách theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra chi tiết hồ sơ, chứng từ một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hoặc nhóm nội dung công việc chiếm tỷ trọng chi lớn đối với các nguồn kinh phí. Kết quả thanh tra chi tiết từng nguồn ở từng nội dung, cụ thể như sau:

** Nguồn kinh phí giao tự chủ*

Các đơn vị cơ bản thực hiện chi đúng theo dự toán giao, tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị; chứng từ thanh toán cơ bản đầy đủ, hợp pháp và hợp lệ. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy các đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- *Có 06/06 đơn vị*¹¹: Chi thanh toán chế độ phụ cấp ưu đãi từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 cho 40 giáo viên dạy hợp đồng trong các cơ sở giáo dục công lập chưa được chuyển, xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (các ngạch có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 15) hoặc các hạng viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (các hạng có các kí tự đầu của mã số hạng là V.07) với tổng số tiền 360.066.875 đồng¹². Ngoài ra, theo báo cáo của các đơn vị, từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2022 có chi cho 68 giáo viên dạy hợp đồng (bao gồm 40 giáo viên nêu trên) với tổng số tiền 3.388.704.385 đồng¹³.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

⁹ Quyết định số 01/2023/QĐ-QCCTNB ngày 03/01/2023 của Trường TH Nguyễn Huệ về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 01/QĐ-TH ngày 04/01/2023 của Trường TH Nguyễn Tất Thành về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quản lý và sử dụng tài sản công năm 2023; Quyết định số 01/QĐ-MNAD ngày 02/01/2023 của Trường MN Anh Đào về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; Quyết định số 01/QĐ-MNHL ngày 02/01/2023 của Trường MN Hoa Lan về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; Quyết định số 01/QĐ-MNMM ngày 03/01/2023 của Trường MN Măng Non về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; Quyết định số 01/QĐ-MNVK ngày 03/01/2023 của Trường MN Vành Khuyên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023;

¹⁰ Quyết định số 01/2024/QĐ-QCCTNB ngày 02/01/2024 của Trường TH Nguyễn Huệ về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-TH ngày 04/01/2024 của Trường TH Nguyễn Tất Thành về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-MNAD ngày 01/01/2021 của Trường MN Anh Đào về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-MNHL ngày 02/01/2021 của Trường MN Hoa Lan về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-MNMM ngày 02/01/2021 của Trường MN Măng Non về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-MNVK ngày 01/01/2024 của Trường MN Vành Khuyên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024;

¹¹ Trường TH Nguyễn Huệ; Trường TH Nguyễn Tất Thành; Trường MN Hoa Lan; Trường MN Anh Đào; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non;

¹² Trường TH Nguyễn Huệ: 09 giáo viên, số tiền 74.537.250 đồng; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 03 giáo viên, số tiền 24.575.075 đồng; Trường MN Hoa Lan: 03 giáo viên, số tiền 18.721.850 đồng; Trường MN Anh Đào: 08 giáo viên, số tiền 87.986.500 đồng; Trường MN Vành Khuyên: 06 giáo viên, số tiền 51.405.000 đồng; Trường MN Măng Non: 11 giáo viên, số tiền 102.841.200 đồng.

¹³ Trường TH Nguyễn Huệ: 09 giáo viên, số tiền 402.891.800 đồng; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 08 giáo viên, số tiền 298.355.645 đồng; Trường MN Hoa Lan: 11 giáo viên, số tiền 507.718.240 đồng; Trường MN Anh Đào: 14 giáo viên, số tiền 560.778.200 đồng; Trường MN Vành Khuyên: 15 giáo viên, số tiền 784.041.600 đồng; Trường MN Măng Non: 16 giáo viên, số tiền 834.918.900 đồng;

- Có 02/06 đơn vị¹⁴: Chi thanh toán chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với 02 nhân viên hợp đồng làm công tác chuyên môn y tế tại trường học từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023 với tổng số tiền 10.799.600 đồng¹⁵.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo)

- Có 02/06 đơn vị¹⁶: Chi thanh toán chế độ phụ cấp ưu đãi đối với 02 giáo viên trong thời gian đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung 6 tháng, không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng với tổng số tiền 34.557.240 đồng¹⁷.

(Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo)

- Có 01/06 đơn vị¹⁸: Đơn vị là trường hạng II, nhưng chi hệ số phụ cấp chức vụ cho Hiệu trưởng theo trường hạng I từ tháng 01/2023 đến tháng 04/2024, với số tiền 4.755.840 đồng¹⁹ và chi hệ số phụ cấp trách nhiệm theo trường hạng I cho giáo viên Tổng phụ trách đội từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2024, với số tiền 4.458.000 đồng²⁰.

(Chi tiết tại Phụ lục số 05, 06 kèm theo)

** Nguồn kinh phí giao không tự chủ*

Trong kỳ, ngoài nguồn kinh phí giao tự chủ tài chính, các đơn vị còn được giao làm chủ đầu tư 09 công trình sửa chữa và 01 công trình đầu tư xây dựng mới, với tổng dự toán được giao 3.277.500.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ sửa chữa công trình do chủ đầu tư cung cấp, qua kiểm tra chọn mẫu ngẫu nhiên 05/10 công trình tại 05 đơn vị²¹ được giao làm chủ đầu tư, với tổng kinh phí thực hiện đề nghị thanh quyết toán 2.612.821.880 đồng từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước giao (nguồn không tự chủ) để sửa chữa hạng mục công trình, cho thấy: Chủ đầu tư cơ bản thực hiện quy định về đầu tư theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công. Tuy nhiên, chủ đầu tư còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Chi phí sửa chữa

+ Trường TH Nguyễn Huệ: Đơn vị tư vấn lập dự toán tính thừa khối lượng với số tiền 6.573.000 đồng; gồm:

. Lập dự toán tính thừa khối lượng công việc xây tường gạch không nung (xi măng cốt liệu 4 lỗ, 80x80x180mm) chiều dày tường ≤ 30cm, chiều cao ≤ 4m, Vữa XM Mác 75 tại hạng mục: Sửa chữa tường rào, số tiền 5.982.000 đồng;

¹⁴ Trường MN Hoa Lan; Trường TH Nguyễn Tất Thành;

¹⁵ Trường MN Hoa Lan: 01 giáo viên, số tiền 3.170.720 đồng; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 01 giáo viên, số tiền 7.628.880 đồng;

¹⁶ Trường MN Hoa Lan; Trường TH Nguyễn Huệ;

¹⁷ Trường MN Hoa Lan: 01 giáo viên, số tiền 10.055.640 đồng; Trường TH Nguyễn Huệ: 01 giáo viên, số tiền 24.501.600 đồng;

¹⁸ Trường TH Nguyễn Huệ;

¹⁹ Trường TH Nguyễn Huệ, số tiền 4.755.840 đồng;

²⁰ Trường TH Nguyễn Huệ, số tiền 4.458.000 đồng;

²¹ Trường TH Nguyễn Huệ; Trường TH Nguyễn Tất Thành; Trường MN Hoa Lan; Trường MN Vĩnh Khuyên; Trường MN Măng Non;

. Lập dự toán tính thừa khối lượng công việc cắt khe dọc đường bê tông đầm lăn (RCC), chiều dày mặt đường $\leq 14\text{cm}$ tại hạng mục: Sửa chữa sân bê tông, số tiền 591.000 đồng.

+ Trường TH Nguyễn Tất Thành: Đơn vị tư vấn lập dự toán tính thừa khối lượng công việc sơn sắt thép (*bằng sơn các loại với 1 nước lót và 2 nước phủ*) tại công trình Sửa chữa dãy nhà 2 tầng 04 phòng học, số tiền 7.442.000 đồng.

+ Trường MN Măng Non: Tại hạng mục sửa chữa 02 phòng học phân hiệu Buôn Khít, đơn vị thi công công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - tường chưa đúng thiết kế được duyệt và hợp đồng ký kết nhưng chủ đầu tư chưa kịp thời phát hiện để cắt giảm khối lượng, dẫn đến thanh toán khối lượng cao hơn so với thực tế thi công, tương ứng số tiền 15.548.229 đồng.

+ Trường MN Vành Khuyên: Tại hạng mục sửa nhà vệ sinh cho trẻ, đơn vị thi công công việc sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót và 2 nước phủ; lát nền, sàn, tiết diện gạch $400*400\text{mm}$, vữa XM mác 75 và thi công vách bằng tấm alu chưa đúng thiết kế được duyệt và hợp đồng ký kết, nhưng chủ đầu tư chưa kịp thời phát hiện để cắt giảm khối lượng, dẫn đến thanh toán khối lượng cao hơn so với thực tế thi công, tương ứng số tiền 15.520.422 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo)

- Chi phí tư vấn

+ Trường MN Hoa Lan: Chủ đầu tư thanh quyết toán chi phí tư vấn (*chi phí thẩm tra dự toán*) chưa đúng quy định đối với công trình sửa chữa phòng học, nhà hiệu bộ, hàng rào có dự toán dưới 500 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước giao (*nguồn không tự chủ*), số tiền 2.160.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo)

2.2. Nguồn thu học phí

a) Thu học phí

Trong kỳ, có 04/06 đơn vị²² thực hiện thu học phí mức thu đảm bảo phù hợp với quy định²³ và có 02/06 đơn vị²⁴ không thu học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; ngoài thu học phí từ học sinh, trong năm 2024 ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn giảm học phí cho các đơn vị. Căn cứ hồ sơ rút dự toán của các đơn vị, Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát và chuyển tiền vào tài khoản thu học phí của đơn vị cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

²² Trường MN Hoa Lan; Trường MN Anh Đào; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non;

²³ Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đến hết năm học 2023-2024;

²⁴ Trường TH Nguyễn Huệ; Trường TH Nguyễn Tất Thành;



(Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo)

b) Chi nguồn học phí

Qua kiểm tra hồ sơ chứng từ chi trong kỳ cho thấy: Các đơn vị quản lý và sử dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành, dự toán thu - chi NSNN và nguồn thu học phí đã phê duyệt. Hồ sơ, hóa đơn, chứng từ chi cơ bản đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, các đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau: Có 03/04 đơn vị²⁵ sử dụng nguồn thu học phí để thực hiện mua sắm phục vụ cho hoạt động bán trú, với tổng số tiền 76.310.576 đồng²⁶.

3. Thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công

3.1. Về quản lý và sử dụng đất đai

a) Việc quản lý đất đai

Tại thời điểm kiểm tra, cơ bản các đơn vị được thanh tra đều đã được giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Trường MN Anh Đào

+ Tại điểm Trường chính, địa chỉ thôn 2, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 156402, diện tích 6050,6m²;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ thôn 5, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 138863, diện tích 1.043m².

Theo báo cáo của đơn vị, hiện nay (năm học 2025-2026) tại điểm Trường lẻ đã chuyển toàn bộ các cháu về học chung tại điểm Trường chính, nên điểm Trường lẻ đang tạm thời không sử dụng.

- Trường MN Hoa Lan

+ Tại điểm Trường chính, địa chỉ xã Cư Ewi, huyện Krông Ana (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 096649, diện tích 1.507m²; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 278964 QSDĐ ngày 26/4/2002 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ buôn Buk Prông, xã Ea Ning: Đến thời điểm thanh tra ghi nhận, đơn vị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa có hồ sơ bản giao sử dụng thửa đất trên cho đơn vị, đơn vị chỉ cung cấp được Biên bản đo đất được lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/10/2011, gồm đại diện UBND xã Ea Ning, Trường MN Hoa Lan và Hộ dân lân cận (H'Ô Buôn Yă), với diện tích sử dụng 345 m².

- Trường MN Măng Non

+ Tại điểm Trường chính (mới), địa chỉ thôn 6, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin (cũ). Đến thời điểm thanh tra ghi nhận, đơn vị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đơn vị được xây dựng và sử dụng trên diện tích và địa điểm theo Trích lục địa chính số hiệu thửa đất số 4.394, tờ bản đồ địa chính số 12, diện tích 4.269,3m², có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk;

²⁵ Trường Mầm non Hoa Lan; Trường Mầm non Vành Khuyên; Trường Mầm non Măng Non;

²⁶ Năm 2024: Trường Mầm non Hoa Lan mua tủ hấp cơm điện 10 khay, số tiền 35.970.000 đồng; Năm 2023: Trường Mầm non Măng Non mua đồ dùng nhà bếp, số tiền 29.394.000 đồng; Năm 2024: Trường Mầm non Vành Khuyên mua đồ dùng chuyên môn cây lau, thùng, khăn, thảm chùi chân, nồi cơm, xà bông, nước lau sàn..., số tiền 10.946.576 đồng.

+ Tại điểm Trường chính (cũ), địa chỉ thôn 6, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 138854, diện tích sử dụng là 1.462m², vào sổ cấp Giấy chứng nhận số T00124 ngày 19/11/2009 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ buôn Kô E'Mông, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin (cũ), được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 138853, diện tích 328m²;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ buôn Ea Khít, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA01299838, diện tích 1.747m²;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ buôn Ea Kmar, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin (cũ), đến thời điểm thanh tra ghi nhận, đơn vị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đơn vị được xây dựng và sử dụng trên diện tích và địa điểm theo Trích lục địa chính số hiệu thửa đất số 6540^a, tờ bản đồ địa chính số 25, diện tích sử dụng là 1.000m² tại địa chỉ buôn Ea Kmar, xã Ea Bhók (cũ).

- Trường MN Vành Khuyên, địa chỉ thôn Thành Công, xã Hoà Hiệp, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 138880, diện tích là 2.211m². Tuy nhiên, do nhu cầu mở rộng phòng học để đảm bảo việc tiếp nhận học sinh, vào năm 2017 đơn vị đã đề xuất chính quyền cấp thêm 542m² và hiện tại đã xây dựng 04 phòng học trên diện tích 542m² trên, nhưng chưa được điều chỉnh trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đơn vị.

- Trường TH Nguyễn Huệ

+ Tại điểm Trường chính, địa chỉ xã Cư Êwi, huyện Krông Ana (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 050803, diện tích 12.000m² (không có sổ thửa đất, sổ tờ bản đồ) và vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 216217 QSDĐ/KT ngày 17/9/1999 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp. Tuy nhiên, theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (do địa chính xã cung cấp; Phiếu ghi thực hiện năm 2025, không ghi ngày tháng; Đo đạc theo dự án: Xây dựng hệ thống HSĐC và CSDL đất đai huyện Cư Kuin; Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ) diện tích thửa đất trên là 8.739,7 m², thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, địa chỉ thửa đất tại Thôn 1A, xã Ea Ning. Chênh lệch giảm 3.260,3m²;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ buôn Tắc Mnga, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 138861, diện tích 986m²;

+ Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ xã Đội 45, Nông trường Cà phê Chư Quynh, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 096633, diện tích 742 m².

Đến thời điểm thanh tra ghi nhận: Các thửa đất tại 02 điểm Trường lẻ nêu trên, đơn vị đã bàn giao cho thôn, buôn quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, đơn vị chưa thực hiện thủ tục bàn giao thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

- Trường TH Nguyễn Tất Thành, địa chỉ xã Ea Hu, huyện Krông Ana (cũ), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 050807, diện tích 7.200m².

b) Về mục đích sử dụng

Qua kiểm tra thực tế ghi nhận: Tại thời điểm thanh tra tất cả các đơn vị được cấp đất, cơ bản đã sử dụng đúng mục đích xây dựng trường học và các công trình liên quan đến việc dạy học. Ngoài ra, chưa phát hiện có đơn vị nào sử dụng diện tích đất được cấp để sử dụng vào mục đích khác ngoài lĩnh vực giáo dục.

3.2. Quản lý sử dụng các công trình xây dựng

Cơ bản các đơn vị quản lý và sử dụng các công trình xây dựng vào mục đích dạy học và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, tại các công trình xây dựng của các điểm trường lẻ do không có nhu cầu sử dụng các trường bỏ hoang gây lãng phí hoặc chuyển giao cho các tổ chức khác sử dụng nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo quy định Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017, cụ thể:

- Trường MN Anh Đào: Các công trình xây dựng tại điểm Trường lẻ, địa chỉ thôn 5, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), hiện tại không còn nhu cầu sử dụng.

- Trường TH Nguyễn Huệ: Các công trình xây dựng tại 02 điểm Trường lẻ, địa chỉ buôn Tắc Mnga, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ) và Đội 45, Nông trường Cà phê Chư Quynh, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), hiện đơn vị đã giao cho thôn, buôn quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, đơn vị chưa thực hiện thủ tục bàn giao các công trình trên theo quy định của pháp luật.

- Trường MN Măng Non: Cơ sở hạ tầng tại điểm Trường chính (cũ), địa chỉ thôn 6, xã Ea Bók, huyện Cư Kuin (cũ), đơn vị không có nhu cầu sử dụng và chưa làm thủ tục hồ sơ bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý; hiện tại đơn vị đã tạm thời cho Trường TH Nguyễn Văn Bé mượn để sử dụng, việc thực hiện không có văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

3.3. Quản lý sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học

a) Việc quản lý và sử dụng phương tiện, tài sản cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của trường học, trang thiết bị dạy học

Trong kỳ, các đơn vị đều đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, mở sổ tài sản cố định, lập biên bản kiểm kê tài sản cố định và báo cáo kiểm kê tài sản cố định, đã sử dụng phần mềm quản lý tài sản để theo dõi quản lý theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy:

- Có 01/06²⁷ đơn vị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài công chung trong cùng một quyết định là không đúng quy định.

- Các đơn vị không sử dụng hoặc sử dụng không thường xuyên, không có hiệu quả và gây lãng phí các phần mềm: Tuyển sinh, Thư viện, Quản lý ngân hàng câu hỏi tại 02/06²⁸ đơn vị; phần mềm Quản lý lương tại 06/06²⁹ đơn vị.

- Trong kỳ, các đơn vị đã thực hiện mua sắm, quản lý và sử dụng phương tiện, tài sản cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của trường học, với tổng giá trị 3.620.869.854

²⁷ Trường TH Nguyễn Tất Thành;

²⁸ Trường TH Nguyễn Huệ và Trường TH Nguyễn Tất Thành;

²⁹ Trường MN Anh Đào; Trường MN Hoa Lan; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non; Trường TH Nguyễn Tất Thành; Trường TH Nguyễn Huệ;

đồng, trong đó: Trường MN Anh Đào 397.718.500 đồng (*trong đó Hệ Thống xử lý nước uống tinh khiết 500L/H trị giá 166.718.500 đồng do Công ty cà phê Ngon tài trợ*); Trường MN Hoa Lan 638.890.000 đồng; Trường MN Măng Non 157.856.697 đồng; Trường MN Vành Khuyên 447.000.000 đồng; Trường TH Nguyễn Huệ 1.005.486.300 đồng và Trường TH Nguyễn Tất Thành 973.918.357 đồng.

Tại thời điểm kiểm tra, các đơn vị đều đã quản lý và sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu dạy và học, theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

(Chi tiết tại Phụ lục số 09, 10 kèm theo)

b) Việc mở sổ sách theo dõi tài sản; công tác kiểm kê, hạch toán, báo cáo và một số nội dung khác

Trong kỳ, các đơn vị đều đã thực hiện việc mở sổ theo dõi chi tiết tài sản cố định, lập và đóng sổ thẻ tài sản cố định, lập báo cáo theo biểu mẫu, lập hội đồng kiểm kê tài sản, phản ánh theo dõi ghi tăng, giảm các loại tài sản cố định, cuối năm đã lập bảng tính hao mòn tài sản cố định; thực hiện kiểm kê tài sản theo Điều 40 Luật Kế toán để đánh giá chất lượng, xác nhận giá trị còn lại của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán.

(Chi tiết tại Phụ lục số 11 kèm theo)

c) Việc thanh lý tài sản cố định

Trong kỳ, có 04³⁰/06 đơn vị đã thực hiện thanh lý tài sản cố định hết hạn sử dụng, hỏng, không sử dụng được theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Thông tư số 144/2017/TT-BTC; còn lại 02³¹/06 đơn vị không thực hiện thanh lý tài sản cố định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 12 kèm theo)

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

a) Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Hàng năm, các đơn vị có xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng và ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện chế độ

³⁰ (1) Trường MN Anh Đào: Năm 2023: Quyết định số 01/QĐ-MNAĐ ngày 25/01/2023 của Trường MN Anh Đào về việc thanh lý tài sản; Quyết định số 05/QĐ-MNAĐ ngày 15/9/2023 của Trường MN Anh Đào về việc điều chuyển tài sản công cụ dụng cụ (CCDC); (2) Trường MN Hoa Lan: Năm 2024: Quyết định số 09/QĐ-NT ngày 31/01/2024 của Trường MN Hoa Lan về việc thanh lý tài sản, CCDC; Quyết định số 31/QĐ-NT ngày 31/12/2023 của Trường MN Hoa Lan về việc thành lập hội đồng thanh lý tài sản, CCDC; (3) Trường MN Vành Khuyên: Năm 2024: Quyết định số 01/QĐ-LTHĐLT ngày 20/09/2024 của Trường MN Vành Khuyên về việc thành lập hội đồng thanh lý tài sản, CCDC; Quyết định số 02/QĐ-TLHĐTL ngày 26/12/2024 của Trường MN Vành Khuyên về việc thành lập hội đồng thanh lý tài sản, đánh giá tài sản; (4) Trường TH Nguyễn Tất Thành: Quyết định số 34/QĐ-THTT ngày 31/12/2024 của Trường TH Nguyễn Tất Thành về việc thanh lý tài sản cố định, điều chuyển tài sản cố định sang công cụ dụng cụ, ghi giảm quyền sử dụng đất phân hiệu năm 2024;

³¹ Năm 2023, 2024: Trường MN Măng Non và Trường TH Nguyễn Huệ.



thông tin, báo cáo đảm bảo theo quy định. Trong kỳ, các đơn vị không để xảy ra vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

b) Thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng ngân sách

- Công tác lập dự toán ngân sách cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định tại thời điểm thực hiện.

- Các đơn vị được thanh tra thực hiện việc mở sổ sách để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cơ bản đầy đủ; thực hiện chi trong dự toán được giao; chứng từ chi, nội dung chi cơ bản đảm bảo theo chế độ tiêu chuẩn, định mức và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Công tác lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định hiện hành về biểu mẫu và gửi đến cơ quan quản lý tài chính đúng thời gian; số liệu quyết toán của đơn vị khớp đúng với số đối chiếu, xác nhận của Kho bạc Nhà nước huyện.

- Các đơn vị thực hiện việc thu học phí, mức thu đảm đúng quy định tại thời điểm thực hiện. Ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn giảm học phí cho các đơn vị đảm bảo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Các chủ đầu tư cơ bản thực hiện đảm bảo quy định về đầu tư theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Thông tư số 65/2021/TT-BTC.

c) Thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công

- Về quản lý và sử dụng đất

Các đơn vị cơ bản đã quản lý và sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, có hiệu quả và hầu hết diện tích đất các đơn vị quản lý đều đã được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*trừ điểm Trường lẻ tại địa chỉ Buôn Buk Prông, xã Ea Ning của Trường MN Hoa Lan và điểm Trường chính tại địa chỉ thôn 6, xã Ea Bốc, huyện Cư Kuin (cũ) của Trường MN Măng Non*); thực hiện việc quản lý và lưu giữ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

- Về quản lý và sử dụng các công trình xây dựng

Các đơn vị cơ bản đã quản lý và sử dụng các công trình xây dựng đúng mục đích, có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu dạy và học của học sinh (*trừ một số công trình xây dựng của các điểm trường lẻ do không sử dụng nên bỏ hoang gây lãng phí hoặc đã chuyển giao cho các tổ chức khác sử dụng nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý*); thực hiện việc quản lý và lưu giữ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

- Về quản lý các cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học

Các đơn vị cơ bản đã quản lý và sử dụng các cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đúng mục đích, có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu dạy và học của học sinh; ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; thực hiện việc quản lý, mở sổ sách theo dõi, đánh giá tài sản và lưu giữ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế và khuyết điểm

2.1. Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Năm 2023, có 04/06 đơn vị³² không thực hiện công khai minh bạch trong

³² Các đơn vị không thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT: Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non; Trường MN Anh Đào; Trường MN Hoa Lan;

hoạt động giải quyết công việc của đơn vị là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Một số bản kê khai tài sản thu nhập có nội dung chưa đảm bảo theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục số I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (cụ thể: Bản kê khai TSTN chưa đề nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ghi rõ ngày tháng năm nhận bản kê khai; chưa ký nhận bản kê khai; Bản kê khai TSTN có ký nhận nhưng người nhận không ghi rõ ngày tháng năm nhận bản kê khai; người kê khai không ký từng trang đối với bản kê khai...).

2.2. Thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng ngân sách

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp

* Nguồn kinh phí giao tự chủ

- Có 06/06 đơn vị³³: Chi thanh toán chế độ phụ cấp ưu đãi từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 cho 40 giáo viên dạy hợp đồng trong các cơ sở giáo dục công lập chưa được chuyển, xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (các ngạch có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 15) hoặc các hạng viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (các hạng có các kí tự đầu của mã số hạng là V.07) với tổng số tiền 360.066.875 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Ngoài ra, theo báo cáo của các đơn vị, từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2022 có chi cho 68 giáo viên dạy hợp đồng (bao gồm 40 giáo viên nêu trên) với tổng số tiền 3.388.704.385 đồng (Ba tỷ ba trăm tám mươi tám triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng) là không đúng quy định tại Điều 2 Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT ngày 25/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐT BXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và điểm a khoản 2 Mục I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTG ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

Sau khi xem xét báo cáo giải trình và đề xuất của các đơn vị cho thấy: Trong tổng số 75 trường hợp nêu trên, có 02³⁴ trường hợp đã nghỉ việc, 01³⁵ trường hợp đã mất năm 2020. Đối với 72³⁶ trường hợp còn lại, nguyên nhân chủ

³³ Trường TH Nguyễn Huệ; Trường TH Nguyễn Tất Thành; Trường MN Hoa Lan; Trường MN Anh Đào; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non;

³⁴ Số tiền 132.730.050 đồng, gồm: Trường MN Hoa Lan, số tiền 42.820.200 đồng (Cô Lê Thị Thúy: đã nghỉ việc từ tháng 05/2023, bị kỷ luật do sử dụng bằng giả); Trường TH Nguyễn Huệ, số tiền 89.909.850 đồng (Cô Nguyễn Thị Minh): Tháng 6/2023 tham gia thi tuyển viên chức nhưng không trúng tuyển và hiện tại đã nghỉ việc do mắc bệnh tâm thần, đang được điều trị thường xuyên tại Bệnh viện tâm thần trung ương Đồng Nai. Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, con nhỏ, chồng thất nghiệp không có nguồn thu nhập ổn định);

³⁵ Số tiền 30.329.300 đồng, gồm: Trường MN Anh Đào, số tiền 30.329.300 đồng;

³⁶ Số tiền 3.585.711.910 đồng, gồm: Trường TH Nguyễn Huệ: 08 trường hợp, số tiền 387.519.200 đồng; Trường TH Nguyễn Tất Thành: 08 trường hợp, số tiền 322.930.720 đồng; Trường MN Hoa Lan: 10 trường hợp, số tiền 483.619.890 đồng; Trường MN Anh Đào: 13 trường hợp, số tiền 618.435.400 đồng; Trường MN Vành Khuyên: 15 trường hợp, số tiền 835.446.600 đồng; Trường MN Măng Non: 18 trường hợp, số tiền 937.760.100 đồng;

yếu do huyện Cư Kuin (cũ) nhiều năm liền không tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức theo quy định; việc áp dụng quy định về chi trả phụ cấp ưu đãi còn bất cập (giữa khoản 1 mục I “Nhà giáo (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương, đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân” và khoản 2 mục I “Đối tượng quy định tại khoản 1 Mục này đã được chuyển, xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang vào các ngạch viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (các ngạch có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 15) hoặc các hạng viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (các hạng có các kí tự đầu của mã số hạng là V.07) thì được hưởng phụ cấp ưu đãi” của Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT); công việc dạy học vất vả, tiền lương hợp đồng lao động thấp, hoàn cảnh kinh tế gia đình và người lao động còn nhiều khó khăn, hiện tại tất cả các trường hợp nêu trên đều đã được tuyển dụng viên chức chính thức và đang công tác (làm việc) tại các đơn vị giáo dục công lập (trường học) trên địa bàn xã, có nhiều tâm huyết với nghề và có sự đóng góp đối với sự nghiệp giáo dục của địa phương, bên cạnh đó UBND huyện Cư Kuin (cũ) đã chỉ đạo và ban hành văn bản yêu cầu chấm dứt tình trạng chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi nghề không đúng quy định tại Công văn số 818/UBND-TCKH ngày 10/4/2024. Do vậy, nhằm ổn định tình hình, tránh gây xáo trộn tâm lý, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên yên tâm công tác cống hiến cho ngành, Thanh tra tỉnh thống nhất không thu hồi khoản tiền chi chưa đúng quy định nêu trên.

- Có 02/06 đơn vị³⁷: Chi thanh toán chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với 02 nhân viên hợp đồng làm công tác chuyên môn y tế tại trường học từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023 với tổng số tiền 10.799.600 đồng (Mười triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng) là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

Sau khi xem xét báo cáo giải trình và đề xuất của các đơn vị cho thấy: Cả 02 trường hợp nêu trên đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập thấp, khoản phụ cấp ưu đãi là nguồn hỗ trợ rất quan trọng để ổn định cuộc sống; trong đó có 01 trường hợp³⁸ là người đồng bào dân tộc thiểu số, đông con và hiện nay đã chuyển đơn vị công tác từ tháng 5/2023 và 01 trường hợp³⁹ là mẹ đơn thân nuôi 2 con (01 cháu học lớp 6 và 01 cháu học lớp 2) và hiện tại đang công tác ở đơn vị. Do vậy, nhằm ổn định tình hình, tránh xáo trộn, tạo điều kiện cho các trường hợp này yên tâm công tác cống hiến cho đơn vị, Thanh tra tỉnh thống nhất không thu hồi khoản tiền chi chưa đúng quy định nêu trên.

³⁷ Trường MN Hoa Lan; Trường TH Nguyễn Tất Thành;

³⁸ Trường MN Hoa Lan: cô H Sốt Niê;

³⁹ Trường TH Nguyễn Tất Thành: cô Hoàng Thị Soa;

- Có 02/06 đơn vị⁴⁰: Chi thanh toán chế độ phụ cấp ưu đãi đối với 02 giáo viên trong thời gian đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung 6 tháng, không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng với tổng số tiền 34.557.240 đồng (*Ba mươi bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi đồng*) là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 mục I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC.

- Có 01/06 đơn vị⁴¹: Đơn vị là trường hạng II, nhưng chi hệ số phụ cấp chức vụ cho Hiệu trưởng theo trường hạng I từ tháng 01/2023 đến tháng 04/2024, số tiền 4.755.840 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) là không đúng quy định tại khoản 1 mục IV Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập và chi hệ số phụ cấp trách nhiệm theo trường hạng I cho giáo viên Tổng phụ trách đội từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2024, số tiền 4.458.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*) là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 2 mục II Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/1/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.

* *Nguồn kinh phí giao không tự chủ*

- *Chi phí sửa chữa*

+ Đơn vị tư vấn lập dự toán tính thừa khối lượng một số hạng mục sửa chữa, dẫn đến chủ đầu tư thanh quyết toán vượt quy định với số tiền 14.015.000 đồng⁴² (*Mười bốn triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*).

+ Đơn vị thi công sửa chữa thực hiện thi công thực tế chưa đúng khối lượng theo khối lượng trong hợp đồng đã ký kết và nghiệm thu chấp nhận thanh toán, dẫn đến chủ đầu tư thanh quyết toán cho nhà thầu thừa khối lượng với số tiền 31.068.651 đồng⁴³ (*Ba mươi một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi một đồng*) là chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- *Chi phí tư vấn*

Chủ đầu tư thanh quyết toán chi phí tư vấn (*chi phí thẩm tra dự toán*) chưa đúng quy định đối với công trình có dự toán sửa chữa dưới 500 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước giao (*nguồn không tự chủ*), số tiền 2.160.000 đồng⁴⁴ (*Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) là chưa đúng quy định tại biểu 2.2. Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Các hạng mục công trình sửa chữa nêu trên đã được chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán, nên số tiền này cần phải được thu hồi để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

⁴⁰ Trường MN Hoa Lan; Trường TH Nguyễn Huệ;

⁴¹ Trường TH Nguyễn Huệ;

⁴² Trường TH Nguyễn Huệ: số tiền 6.573.000 đồng; Trường TH Nguyễn Tất Thành: số tiền 7.442.000 đồng;

⁴³ Trường MN Măng Non: số tiền 15.548.229 đồng; Trường MN Vĩnh Khuyên: số tiền 15.520.422 đồng;

⁴⁴ Công trình sửa chữa phòng học, nhà hiệu bộ, hàng rào tại Trường MN Hoa Lan;



b) Nguồn thu học phí

Có 03/04 đơn vị⁴⁵ sử dụng nguồn thu học phí để thực hiện mua sắm phục vụ cho hoạt động bán trú, số tiền 76.310.576 đồng (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm mười nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*) là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau khi xem xét báo cáo giải trình và đề xuất của các đơn vị cho thấy: Do đặc điểm tại địa phương nhiều trẻ thuộc gia đình đông con có nhiều cấp học, hoàn cảnh gia đình khó khăn, kinh tế chủ yếu làm nông, nhiều trẻ ở với ông bà do bố mẹ đi làm ăn xa..., nên Nhà trường không thể vận động thu tiền bán trú đầy đủ để mua sắm cơ sở vật chất nhà bếp như những địa phương có kinh tế phát triển khác được; mặt khác, số lượng học sinh tuyển mới hàng năm của nhà trường thấp. Việc phát sinh mua sắm các thiết bị, vật dụng cần thiết cho công tác bán trú (*Nồi cơm điện, Tủ hấp cơm điện, đồ dùng nhà bếp...*) chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách để đảm bảo cho Nhà bếp đủ cơ sở vật chất phục vụ bữa ăn Bán trú cho các cháu (*2 nồi cơm điện cũ mua đã lâu thỉnh thoảng nấu bị nhão, bị sũng nên cần khắc phục, ưu tiên xử lý ngay*), cũng như đảm bảo điều kiện vệ sinh, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, thu hút học sinh. Do vậy, nhằm tạo ổn định cho các trường, cũng như yên tâm trong hoạt động dạy và học, Thanh tra tỉnh thống nhất không thu hồi khoản tiền chi chưa đúng quy định nêu trên.

2.3. Thực hiện các quy định về quản lý sử dụng tài sản công

a) Về quản lý sử dụng đất đai

Một số đơn vị được xây dựng trường mới, thực hiện việc sáp nhập (*trường, lớp*) nên một số trường, điểm trường không còn nhu cầu sử dụng, nhưng chưa báo cáo và giao cho chính quyền địa phương quản lý, sử dụng; một số đơn vị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích thực tế đang sử dụng; có đơn vị diện tích đất quản lý sử dụng thực tế không đúng với trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cấp, cụ thể như sau:

- Trường MN Anh Đào: Tại điểm Trường lẻ, địa chỉ: thôn 5, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ) hiện đơn vị không còn nhu cầu sử dụng, nhưng chưa thực hiện bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý và sử dụng, gây lãng phí đất đai.

- Đối với Trường MN Hoa Lan: Diện tích thửa đất đang sử dụng 345m² tại điểm Trường lẻ, địa chỉ Buôn Buk Prông, xã Ea Ning, hiện tại chưa có hồ sơ bàn giao việc sử dụng thửa đất và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Đối với Trường MN Măng Non

+ Hiện tại điểm Trường chính (*mới*) xây dựng và đưa vào sử dụng tháng 9/2023, trên diện tích đất 4.269,3m² thuộc địa bàn xã Ea Bóh, huyện Cư Kuin (cũ), đã có trích lục địa chính số hiệu thửa đất số 4394, tờ bản đồ địa chính số 12 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

⁴⁵ Trường MN Hoa Lan; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non;

+ Tại điểm Trường chính (cũ), đơn vị không có nhu cầu sử dụng, nhưng chưa làm thủ tục bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý và sử dụng theo quy định, gây lãng phí đất đai. Hiện tại đơn vị đã tạm thời cho Trường TH Nguyễn Văn Bé mượn để sử dụng, việc thực hiện không có văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

+ Tại điểm Trường lẻ, của đơn vị được xây dựng và sử dụng theo Trích lục địa chính số hiệu thửa đất số 6540^a, tờ bản đồ địa chính số 25, diện tích sử dụng là 1.000m² tại địa chỉ thửa đất: Buôn Ea Kmar, xã Dray Bhang (xã Ea Bhook cũ). Tuy nhiên, hiện tại nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối với Trường MN Vành Khuyên: Đơn vị đã xây dựng thêm 04 phòng học và đang sử dụng trên diện tích 542m² đất (sát ngay cạnh diện tích đất của đơn vị được giao sử dụng). Tuy nhiên, hiện tại chưa được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối với Trường TH Nguyễn Huệ

+ Tại điểm trường chính, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 050803, chứng nhận đơn vị được quyền sử dụng diện tích là 12.000m² (không có số thửa đất, số tờ bản đồ), địa chỉ thửa đất: tại xã Cư Ewi, huyện Krông Ana (cũ). Tuy nhiên, theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (do địa chính xã cung cấp; Phiếu ghi thực hiện năm 2025, không ghi ngày tháng; Đo đạc theo dự án: Xây dựng hệ thống HSĐC và CSDL đất đai huyện Cư Kuin; Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ) thực tế diện tích thửa đất trên chỉ còn 8.739,7 m² (thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44), địa chỉ thửa đất tại Thôn 1A, xã Ea Ning và hiện tại đơn vị đã xây tường bao quanh khuôn viên trên diện tích đất thực tế nêu trên. Như vậy, diện tích đất thực tế hiện tại đơn vị đang quản lý chênh lệch giảm 3.260,3m² đất so với diện tích đất được UBND tỉnh giao cho đơn vị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P050803 nêu trên.

+ Tại 02 điểm Trường lẻ (địa chỉ Buôn Tắc Mnga, xã Ea Ning và địa chỉ xã Đội 45, NTCF Chư Quynh, Ea Ning (xã Cư Êwi cũ)) đơn vị không sử dụng, nhưng chưa làm thủ tục bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý và sử dụng theo quy định. Hiện tại, đơn vị tạm thời cho thôn (buôn) quản lý và sử dụng, nhưng chưa thực hiện thủ tục bàn giao 02 thửa đất nêu trên.

b) Việc quản lý sử dụng công trình xây dựng

- Trường MN Anh Đào: Các công trình xây dựng tại điểm Trường lẻ, tại địa chỉ: Thôn 5, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (cũ), hiện tại đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

- Trường TH Nguyễn Huệ: Các công trình xây dựng tại 02 điểm Trường lẻ tại địa chỉ: Buôn Tắc Mnga, xã Cư Êwi (cũ) và Đội 45, nông trường Cà phê Chư Quynh, xã Ea Ning (xã Cư Êwi cũ), đơn vị không còn nhu cầu sử dụng và giao cho thôn, buôn quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, đơn vị chưa thực hiện thủ tục bàn giao các công trình xây dựng trên.

- Trường MN Măng Non: Các công trình xây dựng tại điểm Trường chính (cũ), đơn vị không có nhu cầu sử dụng và chưa làm thủ tục hồ sơ bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý. Tuy nhiên, hiện tại đơn vị đã tạm thời cho



Trường TH Nguyễn Văn Bé mượn để sử dụng, việc thực hiện không có văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

c) *Việc quản lý sử dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học*

- Có 01/06⁴⁶ đơn vị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài công chung trong cùng một quyết định là không đúng quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

- Một số phần mềm các đơn vị không sử dụng hoặc sử dụng không thường xuyên, hiệu quả thấp, cụ thể như: Tuyển sinh, Thư viện, Quản lý ngân hàng câu hỏi tại 02/06⁴⁷ đơn vị; phần mềm Quản lý lương tại 06/06⁴⁸ đơn vị.

* Những tồn tại, hạn chế và khuyết điểm nêu trên, trách nhiệm chính thuộc về Hiệu trưởng và kế toán các đơn vị, thủ trưởng các đơn vị được giao làm chủ đầu tư; một phần trách nhiệm về Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất các đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024 (*thời kỳ thanh tra*).

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những kết luận nêu trên, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Có văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh theo Điều 53 Luật Thanh tra năm 2025.

2. Đối với 06 Trường học⁴⁹ trên địa bàn xã Ea Ning và Dray Bhang tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả một số nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế và khuyết điểm theo từng nội dung đã nêu trong phần kết luận thanh tra.

b) Khẩn trương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện khắc phục những tồn tại, khuyết điểm theo từng nội dung đã nêu trong phần kết luận thanh tra; đồng thời tăng cường công tác tự kiểm tra nội bộ, kịp thời phát hiện, xử lý và khắc phục những tồn tại, khuyết điểm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

c) Hằng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN theo quy định tại Luật PCTN nhằm nâng cao nhận thức cho viên chức và người lao động.

d) Thực hiện việc kê khai tài sản thu nhập phải đảm bảo đúng hướng dẫn và biểu mẫu tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Hằng năm, thực hiện công tác kê khai tài sản thu nhập đầy đủ, đúng đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai; lưu trữ và sử dụng bản kê khai tài sản thu nhập theo quy định.

⁴⁶ Trường TH Nguyễn Tất Thành;

⁴⁷ Trường TH Nguyễn Huệ và Trường TH Nguyễn Tất Thành;

⁴⁸ Trường MN Anh Đào; Trường MN Hoa Lan; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non; Trường TH Nguyễn Tất Thành; Trường TH Nguyễn Huệ;

⁴⁹ Trường TH Nguyễn Huệ, thôn 1a, xã Ea Ning; Trường TH Nguyễn Tất Thành, thôn 4a, xã Ea Ning; Trường MN Hoa Lan, thôn 8, xã Ea Ning; Trường MN Anh Đào, thôn 2a, xã Ea Ning; Trường MN Vành Khuyên, thôn Thành Công, xã Dray Bhang; Trường MN Măng Non thôn 6, xã Dray Bhang;

đ) Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; đảm bảo các khoản thu, chi đúng dự toán giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

e) Yêu cầu các Trường⁵⁰ (*chủ đầu tư*) và các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công nghiêm túc rút kinh nghiệm và tổ chức thực hiện khắc phục ngay các tồn tại đảm bảo theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện đầy đủ chế độ công khai tài chính theo quy định; bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách tại đơn vị.

h) Có trách nhiệm tổ chức thu hồi và nộp đầy đủ, kịp thời tổng số tiền 91.014.731 đồng (*Chín mươi một triệu không trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi một đồng*) vào ngân sách Nhà nước theo các Quyết định thu hồi tiền của Chánh Thanh tra tỉnh, gồm:

- Chi sai quy định trong việc sửa chữa các công trình, với tổng số tiền 47.243.651 đồng (*chi phí sửa chữa 42.685.109 đồng, chi phí quản lý dự án 433.000 đồng và chi phí tư vấn 4.125.542 đồng*);

(*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*)

- Chi sai chế độ phụ cấp ưu đãi đối với 02 giáo viên trong thời gian đi học không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng, với tổng số tiền 34.557.240 đồng;

- Chi sai hệ số phụ cấp chức vụ cho Hiệu trưởng và phụ cấp trách nhiệm cho giáo viên Tổng phụ trách đội, với tổng số tiền 9.213.840 đồng.+

(*Chi tiết tại Phụ lục số 13 kèm theo*)

i) Đối với việc quản lý sử dụng đất và các công trình xây dựng

- Đối với Trường MN Anh Đào: Khẩn trương làm thủ tục bàn giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại điểm Trường lẻ, địa chỉ: thôn 5, xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin (*cũ*) cho chính quyền địa phương quản lý và sử dụng theo quy định, tránh để thất thoát, lãng phí đất và công trình xây dựng trên đất.

- Đối với Trường MN Hoa Lan: Hoàn thiện thủ tục việc nhận bàn giao sử dụng đất và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với thửa đất đang sử dụng có diện tích 345m² tại điểm Trường lẻ, địa chỉ Buôn Buk Prông, xã Ea Ning.

- Đối với Trường MN Măng Non

+ Khẩn trương làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích đất đang sử dụng tại điểm Trường chính (*mới*) xây dựng và đưa vào sử dụng tháng 9/2023 (*trên diện tích đất 4.269,3m² thuộc địa bàn xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin (cũ), đã có trích lục địa chính số hiệu thửa đất số 4394, tờ bản đồ địa chính số 12 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk*);

⁵⁰ Trường TH Nguyễn Huệ; Trường TH Nguyễn Tất Thành; Trường MN Hoa Lan; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Măng Non.



+ Khẩn trương làm thủ tục bàn giao toàn bộ diện tích đất và công trình xây dựng trên đất tại điểm Trường chính (cũ) cho chính quyền địa phương quản lý và sử dụng theo quy định, tránh để thất thoát và lãng phí đất, tài sản trên đất (hiện tại đơn vị cho Trường tiểu học Nguyễn Văn Bé mượn để sử dụng, việc thực hiện không có văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền);

+ Khẩn trương đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất (trích lục địa chính số hiệu thửa đất số 6540^a, tờ bản đồ địa chính số 25, diện tích sử dụng là 1.000m²) tại điểm Trường lẻ tại địa chỉ thửa đất: Buôn Ea Kmar, xã Dray Bhang (xã Ea Bhook cũ).

- Đối với Trường MN Vành Khuyên: Khẩn trương đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích 542m² đất (sát ngay cạnh diện tích đất của đơn vị được giao sử dụng) hiện đơn vị đã xây dựng thêm 04 phòng học và đang sử dụng.

- Đối với Trường TH Nguyễn Huệ

+ Kiểm tra, rà soát, làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân có liên quan trong việc quản lý và sử dụng đất được UBND tỉnh giao, dẫn đến làm chênh lệch giảm 3.260,3m² đất so với diện tích đất được UBND tỉnh giao cho đơn vị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P050803 nêu trên và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

+ Khẩn trương làm thủ tục bàn giao toàn bộ diện tích đất và công trình xây dựng trên đất tại 02 điểm Trường lẻ (địa chỉ Buôn Tắc Mnga, xã Ea Ning và địa chỉ Đội 45, Nông trường cà phê Chư Quyển, Ea Ning) cho chính quyền địa phương quản lý và sử dụng theo quy định, tránh để thất thoát và lãng phí đất, tài sản trên đất.

k) Đối với việc quản lý sử dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học

- Trường TH Nguyễn Tất Thành: Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế sử dụng tài công riêng ra từng quyết định theo đúng quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

- Rà soát và đánh giá hiệu quả sử dụng đối với các phần mềm hiện tại đơn vị đang quản lý, đối với phần mềm không còn sử dụng hoặc sử dụng không thường xuyên và không có hiệu quả, tiến hành thủ tục xử lý theo quy định.

3. Đề nghị Chủ tịch UBND xã Ea Ning và Dray Bhang

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN và quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công đối với các trường học trên địa bàn xã.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế và khuyết điểm theo từng nội dung đã nêu trong phần kết luận thanh tra.

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tập thể và cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế và khuyết điểm theo từng nội dung đã nêu trong phần kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Trường TH Nguyễn Huệ, xã Ea Ning kiểm tra, rà soát, làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân có liên quan trong việc quản lý và sử dụng đất được UBND tỉnh giao, dẫn đến làm chênh lệch giảm 3.260,3m² đất so với diện tích

đất được UBND tỉnh giao cho đơn vị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P050803 và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng ngân sách, tài sản công tại 06 Trường học trên địa bàn xã Ea Ning và Dray Bhang, tỉnh Đắk Lắk. Kết luận này được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan Thanh tra tỉnh và công khai bằng hình thức khác theo quy định của Luật Thanh tra năm 2025./.

Nơi nhận: *f*

- UBND tỉnh (để chỉ đạo);
- UBKT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- UBND xã: Ea Ning và Dray Bhang (để t/hiện);
- 06 Trường học (để t/hiện);
- VP, Phòng NV5, Phòng PNV13;
- Lưu: VT, HSĐTTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Hoàng Lâm



TỔNG HỢP DỰ TOÁN GIAO VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM 2023 VÀ 2024
 Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024
 (Phụ lục kèm theo Kết luận thẩm tra số 10/KL-Tr ngày 10/02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ		Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành		Trường Mầm non Anh Đào		Trường Mầm non Hoa Lan		Trường Mầm non Măng Non		Trường Mầm non Vành Khuyên		Ghi chú
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	445.433.037	293.053.098	91.200.868	90.181.879	101.934.833	15.143.084	267.292.745	172.019.396	110.275.737	165.195.497	67.258.332	113.154.742	
+	Kinh phí tự chủ	358.433.037	293.053.098	6.551.253	378.005.494	15.837.525	3.703.699	203.292.745	137.645.773	27.275.737	77.911.376	18.258.332	113.154.742	
+	Kinh phí không tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+	Kinh phí không tự chủ (CCTL)	87.000.000	0	84.649.615	92.176.385	86.097.308	11.439.385	64.000.000	34.373.623	83.000.000	87.284.121	49.000.000	0	
2	Tổng dự toán được giao trong năm	3.707.078.000	5.315.462.000	4.925.463.000	4.915.720.000	2.254.440.000	3.023.041.000	4.393.908.000	5.114.000.000	4.478.787.000	5.996.000.000	2.891.520.000	3.660.000.000	
*	Dự toán giao đầu năm kể cả bổ sung	3.707.078.000	5.315.462.000	4.925.463.000	4.915.720.000	2.254.440.000	3.023.041.000	4.393.908.000	5.114.000.000	4.478.787.000	5.996.000.000	2.891.520.000	3.660.000.000	
+	Kinh phí tự chủ	2.992.000.000	3.922.000.000	3.427.000.000	3.666.176.385	1.880.000.000	2.574.439.385	2.988.000.000	3.900.373.623	3.787.000.000	4.964.284.121	2.395.000.000	3.103.000.000	
+	Kinh phí không tự chủ	534.078.000	1.301.462.000	997.253.000	1.254.720.000	294.440.000	405.041.000	1.185.908.000	1.161.000.000	444.787.000	1.007.000.000	346.520.000	486.000.000	
+	Kinh phí không tự chủ (CCTL)	181.000.000	0	225.000.000	-92.176.385	80.000.000	-11.439.385	220.000.000	-34.373.623	247.000.000	-87.284.121	150.000.000	0	
+	Kinh phí không tự chủ (tiền thưởng theo ND73)	0	92.000.000	0	87.000.000	0	55.000.000	0	87.000.000	0	112.000.000	0	71.000.000	
+	Kinh phí không tự chủ (BS sau 30/9)	0	0	276.210.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Kinh phí thực nhận trong năm	4.152.511.037	5.608.515.098	5.016.663.868	5.385.901.879	2.356.374.833	3.038.184.084	4.661.200.745	5.286.019.396	4.589.062.737	6.161.195.497	2.958.778.332	3.773.154.742	
+	Kinh phí tự chủ	3.350.433.037	4.215.053.098	3.433.551.253	4.044.181.879	1.895.837.525	2.578.143.084	3.191.292.745	4.038.019.396	3.814.275.737	5.042.195.497	2.413.258.332	3.216.154.742	
+	Kinh phí không tự chủ	534.078.000	1.301.462.000	997.253.000	1.254.720.000	294.440.000	405.041.000	1.185.908.000	1.161.000.000	444.787.000	1.007.000.000	346.520.000	486.000.000	
+	Kinh phí không tự chủ (CCTL)	268.000.000	0	309.649.615	0	166.097.308	0	284.000.000	0	330.000.000	0	199.000.000	0	
+	Kinh phí không tự chủ (tiền thưởng theo ND73)	0	92.000.000	0	87.000.000	0	55.000.000	0	87.000.000	0	112.000.000	0	71.000.000	
+	Kinh phí không tự chủ (BS sau 30/9)	0	0	276.210.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Kinh phí quyết toán	3.816.405.718	5.540.612.527	4.400.438.780	5.153.387.123	2.337.002.364	2.943.597.807	4.439.026.105	4.951.290.092	4.386.974.900	6.036.477.689	2.831.908.035	3.724.062.000	
+	Kinh phí tự chủ	3.057.379.939	4.176.404.864	3.055.545.759	3.842.875.825	1.892.133.826	2.527.950.657	3.053.646.972	3.845.466.312	3.736.364.361	4.954.368.067	2.300.103.590	3.192.490.790	
+	Kinh phí không tự chủ	491.025.779	1.272.207.663	851.209.791	1.223.511.298	290.210.615	360.647.150	1.135.752.756	1.018.823.780	407.894.660	970.109.622	332.804.445	460.571.210	
+	Kinh phí không tự chủ (CCTL)	268.000.000	0	217.473.230	0	154.657.923	0	249.626.377	0	242.715.879	0	199.000.000	0	
+	Kinh phí không tự chủ (tiền thưởng theo ND73)	0	92.000.000	0	87.000.000	0	55.000.000	0	87.000.000	0	112.000.000	0	71.000.000	
+	Kinh phí không tự chủ (BS sau 30/9)	0	0	276.210.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán													
-	Dự toán còn dư ở kho bạc	336.105.319	67.902.571	616.225.088	232.514.756	19.372.469	94.586.277	222.174.640	334.729.304	202.087.837	124.717.808	126.870.297	36.092.742	
+	Kinh phí tự chủ	293.053.098	38.648.234	378.005.494	201.306.054	3.703.699	50.192.427	137.645.773	192.553.084	77.911.376	87.827.430	113.154.742	10.663.952	
+	Kinh phí không tự chủ	43.052.221	29.254.337	146.043.209	31.208.702	4.229.385	44.393.850	50.155.244	142.176.220	36.892.340	36.890.378	13.715.555	25.428.790	
+	Kinh phí không tự chủ (CCTL)	0	0	92.176.385	0	11.439.385	0	34.373.623	0	87.284.121	0	0	0	

TỔNG HỢP CHI PHỤ CẤP ƯU ĐÃI CHO GIÁO VIÊN HỢP ĐỒNG

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2023

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ		23.686.800	72.801.400	151.264.800	155.138.800	74.537.250	477.429.050	
1	Đậu Thị Hồng Nhung	5.542.800	16.628.400	17.075.400	20.055.400	8.418.500	67.720.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Huệ
2	Hoàng Thị Ngọc Ánh	-	3.129.000	18.774.000	18.774.000	7.822.500	48.499.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Huệ
3	Trần Nguyễn Vũ Hồng	-	3.129.000	18.774.000	19.370.000	8.567.500	49.840.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Huệ
4	Nguyễn Minh Toàn	-	12.516.000	18.774.000	18.774.000	7.822.500	57.886.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Huệ
5	Nguyễn Thục Oanh	-	3.486.600	20.919.600	20.919.600	8.716.500	54.042.300	1. Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023; 2. Chuyển công tác đến trường Tiểu học Ngô Gia Tự, xã Ea Ning từ tháng 9/2024
6	Nguyễn Thị Anh Thảo	-	11.085.600	16.628.400	16.926.400	7.673.500	52.313.900	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Huệ
7	Lê Thị Thu Trang	-	3.129.000	18.774.000	18.774.000	7.822.500	48.499.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Huệ

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
8	Nguyễn Thọ Thứ	-	-	-	-	8.716.500	8.716.500	Được tuyển dụng làm viên chức và chuyển công tác đến trường TH Nguyễn Chí Thanh, xã Ea Ning từ tháng 6/2023
9	Nguyễn Thị Minh	18.144.000	19.697.800	21.545.400	21.545.400	8.977.250	89.909.850	Hiện đã nghỉ việc do mắc bệnh tâm thần
II. Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành		90.923.805	110.954.340	53.067.840	43.409.660	24.575.075	322.930.720	
1	Hàn Thị Hạnh	15.127.280	17.021.760	2.836.960	-	-	34.986.000	1. Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021; 2. Đã chuyển công tác đến trường Tiểu học Trần Văn Ôn, xã Ea Ktur
2	Phạm Thị Đào	13.702.290	16.708.860	2.784.810	-	-	33.195.960	1. Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021; 2. Đã chuyển công tác đến trường Tiểu học Nơ Trang Long, xã Ea Ktur
3	Nguyễn Thị Thị Dung	14.515.515	16.333.380	2.722.230	-	-	33.571.125	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Tất Thành
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12.568.990	15.916.180	2.565.780	-	-	31.050.950	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Tất Thành
5	Lê Đăng Trinh	12.986.190	16.959.180	2.565.780	-	-	32.511.150	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Tất Thành
6	Ngô Hồ Nhật Linh	11.679.150	13.141.800	13.141.800	15.081.780	12.684.875	65.729.405	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Tất Thành

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
7	Trịnh Thị Hồng	-	2.190.300	13.141.800	13.141.800	5.475.750	33.949.650	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Tất Thành
8	Nguyễn Thị Thơm	10.344.390	12.682.880	13.308.680	15.186.080	6.414.450	57.936.480	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường TH Nguyễn Tất Thành
III. Trường Mầm non Anh Đào		118.739.900	181.914.100	136.439.300	123.684.900	87.986.500	648.764.700	
1	H' Tắc Niê	22.148.400	23.780.400	3.963.400	-	-	49.892.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
2	H' Mê Ra Bkrông	18.543.400	20.204.400	3.367.400	-	-	42.115.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
3	Lê Thị Lý	20.391.500	22.588.400	3.888.900	-	-	46.868.800	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
4	Nghiêm Thị Hoài	18.543.400	11.785.900	-	-	-	30.329.300	Mất năm 2020
5	Nguyễn Thị Thanh Thúy	18.543.400	20.204.400	3.367.400	-	-	42.115.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
6	Lý Thị Thu	17.798.400	19.608.400	3.665.400	-	-	41.072.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
7	Đoàn Thị Yến Nhi	2.771.400	16.628.400	16.628.400	17.075.400	12.916.200	66.019.800	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
8	H' An Mlô	-	13.857.000	16.628.400	16.628.400	12.469.200	59.583.000	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
9	Ma Thị Tâm	-	11.085.600	16.628.400	16.628.400	12.469.200	56.811.600	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
10	Nông Thị Tươi	-	11.085.600	16.628.400	16.628.400	12.469.200	56.811.600	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
11	Nguyễn Thị Quỳnh Như	-	11.085.600	16.628.400	16.628.400	7.226.500	51.568.900	Tháng 6/2023 chuyển công tác đến Trường MN Vành Khuyên, xã Dray Bông
12	Nông Thị Hoa	-	-	18.416.400	18.774.000	9.387.000	46.577.400	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 7/2023 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
13	Trần Thị Thu Trang	-	-	16.628.400	16.628.400	11.662.200	44.919.000	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
14	Võ Thị Hằng	-	-	-	4.693.500	9.387.000	14.080.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 7/2023 hiện đang công tác tại trường MN Anh Đào
IV. Trường Mầm non Hoa Lan		195.688.400	206.901.400	61.781.360	43.347.080	18.721.850	526.440.090	
1	Nguyễn Thị Thu Hương	21.269.400	23.333.400	3.888.900	-	-	48.491.700	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện là Hiệu phó trường MN Hoa Lan
2	Trần Thị Gấm	23.068.800	23.869.800	3.978.300	-	-	50.916.900	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
3	Lê Thị Phương	20.822.400	21.545.400	3.590.900	-	-	45.958.700	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan
4	Lê Thị Thúy	19.248.400	20.204.400	3.367.400	-	-	42.820.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện đã nghỉ việc từ tháng 05/2023 (bị kỷ luật do sử dụng bằng giả)
5	Nguyễn Thị Thúy Hằng	19.387.400	20.204.400	3.516.400	-	-	43.108.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan
6	H' Hà ÊBan	19.387.400	20.204.400	3.516.400	-	-	43.108.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan
7	H Win ADrong	19.387.400	20.204.400	3.516.400	-	-	43.108.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021, đã chuyển công tác đến trường MN Hướng Dương, xã Ea Ktur từ tháng 12/2023
8	Lê Thị Hương	17.798.400	19.906.400	3.367.400	-	-	41.072.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 03/2021 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan
9	Lê Thị Vân Anh	17.798.400	19.012.400	16.668.630	14.560.280	6.414.450	74.454.160	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 06/2023 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan
10	Nguyễn Thị Thu Hà	17.520.400	18.416.400	16.370.630	14.143.080	6.205.850	72.656.360	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 06/2023 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan
11	Nguyễn Thị Thanh	-	-	-	14.643.720	6.101.550	20.745.270	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 06/2023 hiện nay đang là giáo viên tại trường MN Hoa Lan

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
V. Trường Mầm non Măng Non		210.325.800	237.044.100	191.435.200	196.113.800	102.841.200	937.760.100	
1	Trần Thị Thảo Ly	18.144.000	21.083.500	21.545.400	21.545.400	9.670.100	91.988.400	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
2	Trần Thị Thanh Thảo	19.586.400	21.992.400	3.665.400	-	-	45.244.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
3	H Thảo Bđap	18.692.400	20.204.400	3.367.400	-	-	42.264.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
4	Hồ Thị Thùy Dung	20.822.400	21.545.400	3.590.900	-	-	45.958.700	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
5	Nguyễn Thị Hằng	19.387.400	20.204.400	3.516.400	-	-	43.108.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
6	H Suê Mdrang	18.916.200	21.694.400	3.665.400	-	-	44.276.000	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
7	Hà Thị Kiều	19.387.400	20.204.400	3.367.400	-	-	42.959.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
8	Nguyễn Thị Ngọc Mai	17.798.400	19.906.400	20.204.400	21.694.400	9.163.500	88.767.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
9	Vũ Thị Phương Dung	22.550.400	22.290.400	3.590.900	-	-	48.431.700	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Thúy	17.520.400	18.416.400	19.906.400	20.204.400	8.865.500	84.913.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
11	Võ Thị Minh Khánh	17.520.400	18.416.400	19.906.400	20.204.400	8.865.500	84.913.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
12	Hoàng Thị Thu	-	2.771.400	16.628.400	16.628.400	11.662.200	47.690.400	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
13	Nguyễn Thị Thùy	-	2.771.400	16.628.400	16.628.400	6.928.500	42.956.700	Chuyển công tác đến trường MN Hoa Pơ Lang, xã Ea Ktur từ tháng 6/2023 và được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025
14	Nguyễn Thị Thu Trang	-	2.771.400	18.595.200	18.774.000	7.822.500	47.963.100	Được tuyển dụng làm viên chức và chuyển công tác đến trường MN Bông Sen, xã Ea Ning từ tháng 6/2023
15	Nguyễn Thị Nhật Thơ	-	2.771.400	16.628.400	16.628.400	11.662.200	47.690.400	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
16	Nguyễn Thị Cẩm	-	-	16.628.400	16.628.400	11.662.200	44.919.000	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 02/2025 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
17	H RôYu Knul	-	-	-	20.919.600	8.716.500	29.636.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non
18	Phan Nữ Quỳnh Hoa	-	-	-	6.258.000	7.822.500	14.080.500	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Măng Non



STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
VI. Trường Mầm non Vành Khuyên		249.057.100	283.666.200	130.628.300	120.690.000	51.405.000	835.446.600	
1	Đỗ Thị Bích Tuyền	-	-	-	20.919.600	8.716.500	29.636.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
2	H' Diệp Hmok	18.394.400	20.204.400	3.367.400	-	-	41.966.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
3	H' Drim Knul	16.070.400	17.224.400	18.416.400	18.863.400	8.418.500	78.993.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
4	Lê Thị Thanh Nhân	18.394.400	20.204.400	3.367.400	-	-	41.966.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
5	Lê Thị Hà	18.394.400	20.204.400	3.367.400	-	-	41.966.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
6	Mai Thị Hồng Diễm	19.526.400	21.545.400	3.665.400	-	-	44.737.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
7	Nguyễn Thị Sinh Thời	18.950.400	20.204.400	3.367.400	-	-	42.522.200	Được tuyển dụng làm viên chức và chuyển công tác đến trường MN Hoa Phượng, xã Dray Bông từ tháng 3/2021
8	Nguyễn Thị Thùy Linh	18.144.000	18.774.000	21.083.500	21.545.400	8.977.250	88.524.150	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
9	Nguyễn Thị Thùy Tiên	16.070.400	16.628.400	18.118.400	18.416.400	7.673.500	76.907.100	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên

STT	Họ và tên	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng tiền	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Tố Nga	20.947.500	21.545.400	3.590.900	-	-	46.083.800	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
11	Nguyễn Thị Tường Vi	21.994.400	24.257.200	4.350.800	-	-	50.602.400	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
12	Nguyễn Thị Ngọc Khuyên	22.982.400	24.376.400	4.261.400	-	-	51.620.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
13	Nguyễn Thị Tho	18.970.400	20.949.400	3.665.400	-	-	43.585.200	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 3/2021 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
14	Phạm Thị Hồng Hạnh	-	16.628.400	16.628.400	17.075.400	7.673.500	58.005.700	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
15	Trần Thị Kiều Anh	20.217.600	20.919.600	23.378.100	23.869.800	9.945.750	98.330.850	Được tuyển dụng làm viên chức từ tháng 6/2023 hiện đang công tác tại trường MN Vành Khuyên
Tổng cộng: 75 trường hợp		888.421.805	1.093.281.540	724.616.800	682.384.240	360.066.875	3.748.771.260	

TỔNG HỢP CHI PHU CẤP ƯU ĐÃI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG LÀM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN Y TẾ

Trừ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024
 (Phụ lục kèm theo Kết luận thành tra số: 10 /KL-TTr ngày 10/02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)



DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Thời gian hưởng phụ cấp ưu đãi	Hệ số hưởng chính	Hệ số PC chức vụ	Hệ số PC ưu đãi	Mức lương tối thiểu	Số tháng	Số tiền PC ưu đãi thực nhận	Ghi chú
I. Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành									
1	Hoàng Thị Soa	Từ 01/2023 đến 6/2023	2,66	0	0,532	1.490.000	6	4.756.080	Hiện đang công tác tại đơn vị
		Từ 7/2023 đến 9/2023	2,66	0	0,532	1.800.000	3	2.872.800	
II. Trường Mầm non Hoa Lan									
2	H' Sốt Niê	Từ 01/2023 đến 4/2023	2,66	0	0,532	1.490.000	4	3.170.720	Đã nay đã chuyển đơn vị công tác từ tháng 5/2023.
Tổng cộng							13	10.799.600	

TỔNG HỢP CHI PHÚ CẤP ƯU ĐÃI TRONG THỜI GIAN ĐI HỌC TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)



DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Thời gian đi học	Hệ số lương chính	Hệ số PC chức vụ	Hệ số PC ưu đãi	Mức lương tối thiểu	Số tháng	Số tiền PC ưu đãi thực nhận	Ghi chú
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ							6	24.501.600	
1	Trần Ngọc Trí	Tháng 4/2024	3,66	0,2	1,93	1.800.000	1	3.474.000	Tổ trưởng tổ chuyên môn
		Từ 5/2024 đến 6/2024	3,66	0,3	1,98	1.800.000	2	7.128.000	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng
		Từ 7/2024 đến 9/2024	3,66	0,3	1,98	2.340.000	3	13.899.600	
II. Trường Mầm non Hoa Lan							6	10.055.640	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Từ 4/2023 đến 6/2023	2,72	0,2	1,022	1.490.000	3	4.568.340	
		Tháng 7/2023	2,72	0,2	1,022	1.800.000	1	1.839.600	
		Tháng 8/2023	2,72	0	0,952	1.800.000	1	1.713.600	
		Tháng 9/2023	2,72	0,35	1,0745	1.800.000	1	1.934.100	Từ ngày 18/8/2023 được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng
Tổng cộng							12	34.557.240	

**TỔNG HỢP CHI CHÊNH LỆCH PHỤ CẤP CHỨC VỤ**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Thời gian hưởng phụ cấp chức vụ	Hệ số PC chức vụ được hưởng	Hệ số PC chức vụ thực nhận	Chênh lệch hệ số	Hệ số PC ưu đãi	Hệ số PC thâm niên	Mức lương tối thiểu	Số tháng	Số tiền phụ cấp chức vụ chênh lệch	Ghi chú	
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ												
1	Lê Xuân Lam	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	0,4	0,5	0,1	0,05	26%	1.490.000	6	1.573.440		
		Từ 01/7/2023 đến 30/08/2023	0,4	0,5	0,1	0,05	26%	1.800.000	2	633.600		
		Từ 01/9/2023 đến 31/12/2023	0,4	0,5	0,1	0,05	27%	1.800.000	4	1.274.400	Nâng phụ cấp thâm niên	
		Năm 2023								12	3.481.440	
		Từ 01/01/2024 đến 30/4/2024	0,4	0,5	0,1	0,05	27%	1.800.000	4	1.274.400		
		Năm 2024								4	1.274.400	
Tổng cộng									16	4.755.840		



TỔNG HỢP CHI CHÈNH LỆCH PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Thời gian hưởng phụ cấp trách nhiệm	Hệ số PC trách nhiệm được hưởng	Hệ số PC trách nhiệm thực nhận	Chênh lệch hệ số	Mức lương tối thiểu	Số tháng	Số tiền phụ cấp trách nhiệm chênh lệch	Ghi chú	
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ										
1	Hò Tấn Triều	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	0,2	0,3	0,1	1.490.000	6	894.000		
		Từ 01/7/2023 đến 31/12/2023	0,2	0,3	0,1	1.800.000	6	1.080.000		
		Năm 2023						12	1.974.000	
		Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	0,2	0,3	0,1	1.800.000	6	1.080.000		
		Từ 01/7/2024 đến 31/12/2024	0,2	0,3	0,1	2.340.000	6	1.404.000		
		Năm 2024						12	2.484.000	
Tổng cộng							24	4.458.000		



DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÓ SAI SÓT VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Tên công trình	Đại diện Chủ đầu tư	Số tiền sai phạm				Biện pháp xử lý		Ghi chú
			Tổng cộng	Chi phí xây dựng	Chi phí QLDA	Chi phí TV ĐTXD	Thu hồi tiền nộp vào ngân sách	Giảm trừ thanh, quyết toán	
1	Sửa chữa tường rào, sân bê tông	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	6.573.000	5.805.000	200.000	568.000	6.573.000	0	
2	Sửa chữa dẫy nhà 2 tầng 4 phòng học	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành	7.442.000	6.770.000	233.000	439.000	7.442.000	0	
3	Sửa chữa phòng học, nhà hiệu bộ, hàng rào	Trường Mầm non Hoa Lan	2.160.000	0	0	2.160.000	2.160.000	0	
4	Sửa chữa 02 phòng học Buôn Khít; Làm sân khấu, lán sân và mái che khu vui chơi trường chính	Trường Mầm non Măng Non	15.548.229	14.589.687	0	958.542	15.548.229	0	
5	Sửa chữa ốp tường phía trong 02 phòng, 07 phòng học; Sửa chữa nhà vệ sinh cho trẻ và sửa chữa đường điện	Trường Mầm non Vành Khuyên	15.520.422	15.520.422	0	0	15.520.422	0	
TỔNG CỘNG			47.243.651	42.685.109	433.000	4.125.542	47.243.651	0	



TỔNG HỢP CHI CHÊNH LỆCH PHỤ CẤP CHỨC VỤ

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Thời gian hưởng phụ cấp chức vụ	Hệ số PC chức vụ được hưởng	Hệ số PC chức vụ thực nhận	Chênh lệch hệ số	Hệ số PC ưu đãi	Hệ số PC thâm niên	Mức lương tối thiểu	Số tháng	Số tiền phụ cấp chức vụ chênh lệch	Ghi chú	
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ												
1	Lê Xuân Lam	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	0,4	0,5	0,1	0,05	26%	1.490.000	6	1.573.440		
		Từ 01/7/2023 đến 30/08/2023	0,4	0,5	0,1	0,05	26%	1.800.000	2	633.600		
		Từ 01/9/2023 đến 31/12/2023	0,4	0,5	0,1	0,05	27%	1.800.000	4	1.274.400	Nâng phụ cấp thâm niên	
		Năm 2023								12	3.481.440	
		Từ 01/01/2024 đến 30/4/2024	0,4	0,5	0,1	0,05	27%	1.800.000	4	1.274.400		
		Năm 2024								4	1.274.400	
Tổng cộng									16	4.755.840		

**TỔNG HỢP THU, CHI NGUỒN HỌC PHÍ**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13/02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Trường Mầm non Anh Đào		Trường Mầm non Hoa Lan		Trường Mầm non Măng Non		Trường Mầm non Vành Khuyên		Ghi chú
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	3.697.890	30.543.650	227.432.311	191.736.186	156.314.846	77.046.758	3.348.000	41.576.377	
-	Kinh phí cải cách tiền lương (40%)	3.697.890	30.542.690	174.340.700	169.544.555	97.963.944	72.148.566	3.348.000	41.576.377	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (60%)	0	960	53.091.611	22.191.631	58.350.902	4.898.192	0	0	
2	Kinh phí thực hiện thu trong năm	67.112.000	85.442.500	68.455.000	136.670.000	179.281.500	199.425.000	69.770.000	85.242.000	
-	Thực hiện thu trong năm	67.112.000	67.457.500	68.455.000	113.020.000	179.281.500	173.425.000	69.770.000	64.287.000	
-	Cấp bù học phí	0	17.985.000	0	23.650.000	0	26.000.000	0	20.955.000	
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	67.112.000	85.442.500	295.887.311	328.406.186	335.596.346	276.471.758	52.270.000	102.742.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương (40%)	26.844.800	34.177.000	201.722.700	224.212.555	169.676.544	151.918.566	20.908.000	41.096.800	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (60%)	40.267.200	51.265.500	94.164.611	104.193.631	165.919.802	124.553.192	31.362.000	61.645.200	
4	Kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán	40.266.240	62.505.611	104.151.125	270.314.674	258.549.588	119.655.000	31.541.623	70.532.889	
-	Kinh phí cải cách tiền lương (40%)	0	11.240.111	32.178.145	200.855.514	97.527.978	0	179.623	8.906.463	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (60%)	40.266.240	51.265.500	71.972.980	69.459.160	161.021.610	119.655.000	31.362.000	61.626.426	
5	Kinh phí chuyển sang năm sau	30.543.650	53.480.539	191.736.186	58.091.512	77.046.758	156.816.758	41.576.377	56.285.488	
-	Kinh phí cải cách tiền lương (40%)	30.542.690	53.479.579	169.544.555	23.357.041	72.148.566	151.918.566	41.576.377	56.266.714	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (60%)	960	960	22.191.631	34.734.471	4.898.192	4.898.192	0	18.774	

**DANH MỤC MUA SẴM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

Stt	Danh mục tài sản	Năm/tổng tiền		Ghi chú
		2023	2024	
		Thành tiền	Thành tiền	
I	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ			
1	Konika Minolta	53.000.000		
2	Tủ đựng đồ dùng thư viện	40.000.000		
3	Tivi 55 inch TCL P638	30.000.000		
4	Tivi Samsung 65 Inch AU65AU 7002	15.000.000		
5	Máy vi tính bàn	12.000.000		
6	Tivi 55 inch hiệu TCL Led 55 P638		25.000.000	
7	Máy vi tính bàn		13.620.000	
8	Phần mềm quản lý thư viện BieLIB		18.000.000	
II	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành			
1	Máy tính xách tay HP Pavilion 15eg0606TX i5	15.000.000		
2	Máy tính xách tay HP Pavilion 14_DV2033TU core i5/02/2023	15.000.000		
3	Bàn họp (Phòng HT_2023)	7.000.000		
4	Tivi 55 inch TCL P638	40.000.000		
5	Máy vi tính xách tay Dell Vostro 3530 Core I3		12.990.000	
6	Tivi TCL Led 65P638		28.000.000	
7	Phần mềm quản lý Thư viện điện tử BieLIB		18.000.000	
III	Trường Mầm non Hoa Lan			
1	Máy tính xách tay (Hiệu trưởng)	15.000.000		
2	Xích đu sàn lắc	10.500.000		Nguồn viện trợ
3	Bộ vận động đa năng-khu liên hoàn 2 khối cầu trượt xoắn	35.700.000		
4	Đu quay mâm 6 con ngựa	16.380.000		
5	Nhà bóng	30.030.000		
6	Máy tính xách tay (Hiệu Phó)		14.500.000	
7	Tủ hấp cơm điện 10 khay		35.970.000	Nguồn học phí
IV	Trường Mầm non Anh Đào			
1	Máy tính laptop	15.000.000		
2	Loa gập 4 tác đôi	13.500.000		

Stt	Danh mục tài sản	Năm/tổng tiền		Ghi chú
		2023	2024	
		Thành tiền	Thành tiền	
3	Hệ Thống xử lý nước uống tinh khiết 500L/H	166.718.500		
V	Trường Mầm non Vành Khuyên			
1	Mua sắm đồ dùng đồ chơi cho trẻ	50.000.000		Đã chuyển CCDC 2024
2	Hệ thống chống sét		30.000.000	
VI	Trường Mầm non Măng Non			
1	Mua Máy vi tính Acer	14.800.000		
2	2 Ti vi TCL	17.000.000		
3	Mua 2 máy lọc Nước HQLine	13.800.000		
4	Mua bồn nước, làm chân bồn		92.270.497	

**DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO, NÂNG CẤP,
SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024
(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 10 /02/2026
của Chánh Thanh tra tỉnh)



Stt	Nội dung	Năm đầu tư/tổng tiền				Ghi chú
		2023		2024		
A	Các hạng mục được đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
I	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ					
1	Dây bóng đèn năng lượng mặt trời (07 bóng)	1	14.685.300			
2	Tường Rào			1	784.181.000	
II	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành					
1	Tiền làm 29,390 m2 vách nhôm ngăn phòng chuyên môn (Văn thư, kế toán, thiết bị, y tế)	1	34.592.030			
2	Tiền thay thế sửa chữa điện. quạt trong nhà trường	1	13.324.327			
3	Sửa chữa sân trường và tường rào	1	188.582.000			
4	Sửa chữa dây nhà 2 tầng 04 phòng học			1	586.530.000	
5	Sửa chữa máy vi tính để bàn, máy in			1	14.520.000	
6	Sửa chữa máy vi tính (thùng máy, ổ SDD...)			1	14.900.000	
III	Trường Mầm non Hoa Lan					
1	Sửa chữa phòng học, nhà hiệu bộ, hàng rào	1	400.000.000			
2	Sửa chữa bếp ăn phân hiệu buôn PukPrông	1	30.920.000			
3	Sửa chữa hạng mục sân trường			1	285.000.000	
4	sửa chữa, thay thế thiết vật tư hệ thống lọc nước			1	25.542.000	
5	Sửa chữa hạng mục làm mái che trường			1	23.769.000	
6	Nâng cấp đường điện 3 pha			1	11.242.004	
IV	Trường Mầm non Anh Đào					
1	Khoan Giếng Thôn 2	1	60.000.000			
2	Mái che sân trường			1	142.500.000	
V	Trường Mầm non Vành Khuyên					
1	Tiền sửa chữa mái che và phòng hoạt động cho trẻ	1	130.000.000			

Stt	Nội dung	Năm đầu tư/tổng tiền				Ghi chú
		2023		2024		
A	Các hạng mục được đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
2	Chuyển khoản TT tiền thi công sửa chữa trong 2 phòng học, phía ngoài 7 phòng học, nhà vệ sinh và sửa chữa đường dây điện			1	200.000.000	
3	Sửa chữa công trường, tường rào, khung sắt bảo vệ			1	37.000.000	Nguồn chi TX



BẢNG KẾ TỌNG HỢP THEO DỐI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 10/02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ		Trường Tiểu học Nguyễn Lân Thành		Trường Mầm non Hoa Lan		Trường Mầm non Anh Đào		Trường Mầm non Vành Khuyên		Trường Mầm non Măng Non	
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
1	Nguyên giá TSCĐ	6.740.941.300	7.814.012.300	6.885.320.372	6.992.571.500	3.994.544.500	4.369.462.504	3.490.226.090	3.616.234.590	6.527.677.000	6.527.677.000	5.166.282.200	15.922.931.497
2	Nguyên giá TSCĐ tăng trong kỳ	164.685.300	840.801.000	265.582.000	58.990.000	538.530.000	396.023.004	60.000.000	337.718.500	180.000.000	474.000.000	52.486.200	10.914.492.497
2.1	TSCĐ hữu hình	164.685.300	822.801.000	265.582.000	58.990.000	538.530.000	396.023.004	60.000.000	337.718.500	180.000.000	474.000.000	52.486.200	10.743.720.497
2.2	TSCĐ vô hình	0	18.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	170.772.000
3	Tài sản giảm	0	22.100.000	0	974.881.372	0	8.192.000	48.098.000	0	0	2.314.474.600	0	157.843.200
4	Khấu hao, hao mòn TSCĐ trong năm	300.859.194	446.588.149	209.522.756	237.100.606	0	0	0	0	0	0	209.054.617	869.415.106
5	Khấu hao, hao mòn TSCĐ lũy kế đến cuối kỳ	3.146.704.791	3.619.932.940	2.706.423.946	2.642.054.580	1.227.758.510	1.194.250.385	1.611.947.436	1.700.387.946	2.708.293.300	4.025.145.400	2.228.580.366	3.070.307.697
6	Giá trị TSCĐ còn lại trong kỳ	3.594.236.509	4.171.979.360	4.178.896.426	3.290.516.920	2.766.785.990	3.167.020.119	1.830.180.654	1.915.846.644	3.819.383.700	4.678.517.000	2.937.701.834	12.852.623.800



DANH MỤC THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024

(Phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 13 /02/2026 của
Chánh Thanh tra tỉnh)

Stt	Nội dung	Năm/tổng tiền		Ghi chú
		2023	2024	
		Số lượng	Số lượng	
I	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành			
1	Máy vi tính phòng học		16	Hết giá trị khấu hao, không sử dụng được
2	Máy photocopy		1	
3	Máy vi tính xách tay		2	
II	Trường Mầm non Hoa Lan			
1	Máy tính xách tay	2		Hết giá trị khấu hao, không sử dụng được
2	Tủ đồ dùng, giá đựng tài liệu hồ sơ	1		
III	Trường Mầm non Anh Đào			
1	HT lọc nước (Hệ thống lọc nước)	1		Hết giá trị khấu hao, không sử dụng được
2	Máy vi tính để bàn	1		
IV	Trường Mầm non Vành Khuyên			
1	Máy vi tính để bàn		2	Hết giá trị khấu hao, không sử dụng được
2	Xích đu giống liên hoàn		1	
3	Máy Vi tính laptop		1	
4	Xích đu		1	
5	Nhà banh		1	



PHỤ LỤC KIẾN NGHỊ THU HỒI

phụ lục kèm theo Kết luận thanh tra số: 10 /KL-TTr ngày 10 /02/2026 của Chánh Thanh tra tin

STT	Họ và tên	Số tiền
A. CHI SAI CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI CHO 02 GIÁO VIÊN ĐI HỌC KHÔNG THAM GIA GIẢNG DẠY LIÊN TỤC TRÊN 3 THÁNG		34.557.240
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ		24.501.600
1	Trần Ngọc Trí	24.501.600
II. Trường Mầm non Hoa Lan		10.055.640
2	Nguyễn Thị Thu Hương	10.055.640
B. CHI SAI HỆ SỐ PHỤ CẤP CHỨC VỤ VÀ PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM		9.213.840
I. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ		9.213.840
1	Lê Xuân Lam	4.755.840
2	Hồ Tấn Triều	4.458.000